TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 90, Tập 02/2023

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 90, Vol 02/2023

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

TIẾP CẬN CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG TẾT MẬU THÂN NĂM 1968 QUA GÓC NHÌN VĂN HÓA

Approaching the 1968 Tet Offensive through a cultural perspective

Nguyễn San Hà
Trường THTH Sài Gòn, Trường ĐH Sài Gòn

TÓM TẮT

Cuộc "Tổng tiến công Tết Mậu Thân" diễn ra vào năm 1968 đến nay đã được 56 năm. Sự kiện đã thu hút sự quan tâm và nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước Việt Nam, với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau trong suốt thời gian qua. Dù có những đánh giá và nhận định gây tranh cãi, song các nhà khoa học đều dành cho sự kiện lịch sử này một vị trí đặc biệt trong tiến trình lịch sử của hai quốc gia Việt Nam và Hoa Kỳ. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết nhỏ này, tác giả không tham vọng "lật lại" câu chuyện thắng - thua của cuộc "Tổng tiến công Tết Mậu Thân", mà chỉ tiếp cận cuộc chiến từ góc nhìn văn hóa của hai bên tham chiến. Qua đó, người đọc có thêm một góc nhìn khách quan, chân thực về một sự kiện lịch sử quan trọng trong nền sử học của cả Việt Nam và Hoa Kỳ.

Từ khóa: *góc nhìn văn hóa, Tết Mậu Thân, tổng tiến công.*

ABSTRACT

It has been 56 years since the "Tet Mau Than General Offensive" occurred in 1968. Over the years, numerous scientists from both inside and outside Vietnam have focused their attention on the incident and conducted a variety of techniques to their research. Notwithstanding differing opinions and analyses, scientists agree that this historical event holds a unique place in the development of both Vietnam and American history. But in the confines of this brief article, the author merely addresses the conflict from the cultural standpoint of both sides, with no intention of "returning" the narrative of the "Tet Offensive's" triumph and loss. As a result, readers can understand a significant historical event in the history of Vietnam and the United States in an objective and honest way.

Keywords: *cultural perspective, Tet Offensive, general offensive.*

1. Mở đầu

Sự kiện "Tổng tiến công Tết Mậu Thân" năm 1968 đã diễn ra trong một bối cảnh đặc biệt đối với chính trường Hoa Kỳ. Tiếp cận sự kiện lịch sử này qua góc nhìn văn hóa chính là việc tác giả đi vào phân tích những yếu tố văn hóa quân sự, văn hóa chính trị của các bên tham chiến. Từ đó, tác giả mong muốn đưa ra những kết luận khoa học về sự thất bại của quân đội Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam trong sự kiện Mậu Thân có nguồn gốc từ chính văn hóa quân sự nước lớn của họ. Dẫn đến sự kiện Tết Mậu Thân năm 1968 đã được nhiều nhà khoa học đánh giá là "tiếng sét phá tan màn đêm tại thủ đô Washington" của cường

Tác giả liên hệ: nsha@sgu.edu.vn

quốc Hoa Kỳ.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược "chiến tranh cục bộ" đã mang lại gì cho chính phủ Hoa Kỳ?

Để hiểu rõ vấn đề này, chúng ta hãy thử quay lại cuộc chiến tranh tại Việt Nam vào thời điểm đầu năm 1965 khi mà chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của chính phủ Hoa Kỳ bày ra ở miền Nam Việt Nam đang phá sản. Để tiếp tục thực hiện cam kết cứu nguy cho chính quyền Sài Gòn đang trên đà khủng hoảng, chính phủ Hoa Kỳ đã tiến thêm một bước trên nấc thang chiến tranh, bằng việc triển khai chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Gắn liền với chiến lược chiến tranh mới này là tên tuổi của những người nổi tiếng ở đất nước cờ hoa trong những thập niên 50 và 60 của thế kỷ XX như: Tổng thống Johnson, Bộ trưởng quốc phòng Mc Namara, Tổng chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam tướng Westmoreland, v.v. Họ đã cùng nhau nghiên cứu một cách bài bản về chiến trường Việt Nam cũng như đặc biệt quan tâm đến những phân tích thái độ phản ứng của các nước lớn trong khối xã hội chủ nghĩa là Liên Xô và Trung Quốc.

Mục tiêu của chính phủ Hoa Kỳ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là mong muốn đánh bại cuộc cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (tức từ giữa 1965 đến 1967)[(1)]. Về lực lượng để triển khai trong chiến lược chiến tranh này, chính quyền Hoa Kỳ đã tiến hành phối hợp giữa hai lực lượng gồm: quân viễn chinh Hoa Kỳ và quân đội Việt Nam Cộng hòa. Trong đó, quân Hoa Kỳ phát huy sức mạnh cơ động của các binh sĩ được đào tạo bài bản thực hiện chủ yếu vai trò "tìm diệt" lực lượng quân Giải phóng; còn quân đội Việt Nam Cộng hòa giữ nhiệm vụ chiếm đóng, kìm kẹp nhân dân tại miền Nam Việt Nam. Biện pháp được triển khai trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" được xem là "cố gắng quân sự lớn nhất, bước leo thang chiến tranh cao nhất của Hoa Kỳ ở miền Nam, cũng là lần đầu Hoa Kỳ đưa nhiều quân nhất đi xâm lược, kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai" (Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh, 1995). Đặc biệt, ngoài việc đưa quân Mỹ và đồng minh ồ ạt vào miền Nam để mở các cuộc tiến công "tìm diệt" lớn; Hoa Kỳ còn tiến hành dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc hòng ngăn cản sự chi viện từ Bắc vào Nam.

Tất cả thông tin bên trên đã cho chúng ta thấy được chính phủ Hoa Kỳ vẫn mong dùng lợi thế áp đảo của lực lượng quân đôi tinh nhuệ và vũ khí chiến tranh hiện đại để khuất phục tinh thần chiến đấu chống ngoại xâm của quân dân miền Nam. Họ không ngần ngại dùng các "thủ đoạn tác chiến mới như hỏa lực mạnh, cơ động cao, bước nhảy sâu, quay vùng rộng, để tìm diệt chủ lực" (Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh, 1995) quân Giải phóng. Tác giả H.Y.Schandler trong cuốn sách "Sự nghiệp của một tổng thống bị đổ vỡ Johnson và Việt Nam" đã ghi nhận rằng: "các nhà lãnh đạo quân sự tán thành biện pháp mạnh, dùng đến vũ lực một cách sôi động và hùng hậu vì chỉ có cách ấy mới có thể gây sức ép đáng kể đối với Bắc Việt Nam" (Schandler, H.Y, 1999). Đoạn trích trên phản ánh tâm lý chung của giới quân sự tại Washington là tin rằng một nền quân sự quy mô như Hoa Kỳ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, có thể tạo ra một sức mạnh to lớn bẻ gãy mọi sự cố gắng của đối phương.

Song dù các tướng lĩnh Hoa Kỳ và chính phủ Việt Nam Cộng Hòa chuẩn bị thật chu đáo, nhưng với quyết tâm đánh bại kẻ thù của quân và dân miền Nam Việt

Nam đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Hoa Kỳ. Từ những trận đánh đầu tiên như Núi Thành (26/5/1965), Vạn Tường (18/8/1965) đã giúp cho quân và dân miền Nam tìm ra lời giải về cách đánh thắng quân đội viễn chinh Hoa Kỳ. Tiếp nối tinh thần của trận Vạn Tường, quân và dân miền Nam tiếp tục đánh bại quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa tại cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966) và mùa khô (1966-1967). Tất cả những chiến thắng đó đối với quân đội viễn chinh Hoa Kỳ được xem như "mũi dao" đâm thủng mọi mục tiêu chiến lược "tìm diệt" và "bình định" mà chính phủ nước này đặt ra cho hai cuộc phản công.

Cũng từ tình thế đó, các nhà hoạch định và triển khai chiến lược "chiến tranh cục bộ" tại miền Nam Việt Nam đã bắt đầu phải đối diện với vô số khó khăn, trước khi quân Giải phóng miền Nam tổ chức cuộc "Tổng tiến công Tết Mậu Thân" năm 1968.

Trước tiên, với những thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam Việt Nam đã gây nên một sự chia rẽ sâu sắc trong nội bộ chính phủ Hoa Kỳ. Vào giai đoạn đầu, khi chính phủ Hoa Kỳ tiến hành triển khai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" thì đa số những quan chức cấp cao ở Nhà Trắng và Ngũ giác đài vẫn còn rất hoan nghênh việc làm đó. Tác giả H.Y.Schandler đã ghi nhận chính phủ của Johnson và quốc hội: "đều nhất trí rằng mất Nam Việt Nam thì tất cả Đông Nam Á sẽ mất" (Schandler, H.Y, 1999).

Nhưng sau những thực tế khóc liệt diễn ra tại chiến trường miền Nam Việt Nam đối với những người lính Hoa Kỳ, lập tức những sự thống nhất được đề cập ở trên đã bị thách thức, các nhà lãnh đạo về cơ bản đã có sự phân hóa. Một nhóm đánh giá việc thực hiện ném bom miền Bắc và đổ quân "tìm diệt" và "bình định" tại miền Nam còn quá hạn chế và cần phải "mở rộng" hơn sự hạn chế đó. Tư tưởng này nằm chủ yếu trong giới quân nhân chóp bu của chính quyền. Tiêu biểu như phát biểu của Thượng nghị sĩ Stennis Chủ tịch Ủy ban Quân lực tuyên bố rằng: "Các vị tư lệnh quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam không được cung ứng đầy đủ quân lính cần thiết và việc ném bom miền Bắc lại bị hạn chế quá đáng" (Schandler, H.Y, 1999) hay như của Chủ tịch Menden Rivers của Ủy ban Quân lực Hạ nghị viện còn kêu gọi "Hoa Kỳ nên đánh tan Hà Nội nếu cần, bất chấp dư luận thế giới" (Schandler, H.Y, 1999). Tất cả nhận định đó, một lần nữa phản ánh một lối văn hóa tư duy quân sự của những con người chỉ biết dựa trên sức mạnh của hỏa lực, không quân, vũ khí hiện đại và sức mạnh kinh tế sẵn có của Hoa Kỳ trong những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX. Họ tận dụng các yếu tố đó để mong đè bẹp đối phương một cách nhanh chóng. Ngược lại nếu có những thất bại ngoài ý muốn, họ lại lớn tiếng đòi chính quyền tăng thêm tiền, thêm quân và tăng thêm vũ khí.

Ngược lại với trên, thì có những nhân vật cảm thấy cần phải có một giải pháp tăng quân hiệu quả và tiến hành một cuộc chiến tranh "vô hạn định" để đối phó với lực lượng cách mạng tại miền Nam Việt Nam và ngăn cản sự chi viện của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc. Tiêu biểu cho tư tưởng này chính là bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Mc Namara. Ông đề nghị nên thay đổi trọng tâm của chiến lược Hoa Kỳ và: "có thể tin rằng chúng ta có thể duy trì vô hạn định - một tư thế có thể làm cho Bắc Việt Nam/Việt Cộng thấy việc ngồi chờ cho chúng ta chán và bỏ đi không còn hấp dẫn nữa"

(Schandler, H.Y, 1999). Hoặc sau khi trình bày chương trình 5 điểm[(2)] của mình, Mc Namara đã đưa ra lý lẽ thuyết phục chính quyền nên hy vọng vào một cuộc chiến lâu dài vì: "các phí tổn và nguy cơ kéo dài vẫn còn trong giới hạn chấp nhận được, đã có giải pháp để thắng lợi và việc kết thúc chiến tranh chỉ là một vấn đề thời gian mà thôi" (Schandler, H.Y, 1999). Rõ ràng, chính việc quân đội viễn chinh Hoa Kỳ và các nước đồng minh bị sa lầy sâu hơn trong cuộc chiến tranh Việt Nam đã làm cho mọi sự nhất trí của giới chức cấp cao trong vấn đề giải pháp chiến trường trở nên viển vông và khó mà thực hiện. Nhà báo Don Oberdoifer ghi nhận rằng: "Một số muốn tăng cường ném bom, một số muốn một sự giải quyết bằng thương lượng và rút quân từng bước còn nhiều người thì ủng hộ bất cứ cách nào xem ra có thể kết thúc được chiến tranh..." (Oberdoifer, D, 1988). Điều đó, lại chính là nhát dao oan nghiệt đâm vào tim một cường quốc thừa tiền, lắm của như Hoa Kỳ, hệ quả là sự thông minh và tỉnh táo đã bị hạn chế.

Kế đến, xuất hiện một sự chia rẽ có phần sâu sắc hơn giữa người dân Hoa Kỳ và chính phủ của họ. Nhà báo Don Oberdoifer đã viết rằng: "Hàng triệu người Mỹ những người có khuynh hướng giao phó chiến cuộc cho Tổng thống và các tướng lĩnh, bây giờ càng ngày càng thất vọng, nhức nhối và hoài nghi về cuộc xung đột ở bán đảo Đông Dương" (Oberdoifer, D, 1988) để miêu tả về tâm trạng người dân Hoa Kỳ thất vọng trong đưa quân sang tham chiến tại Việt Nam. Hoàn cảnh ở Việt Nam trong giai đoạn từ 1965-1967, thật sự đã tạo ra một sự chuyển biến sâu rộng trong nhận thức của người Mỹ về cuộc chiến. chính Don Oberdoifer ghi nhận: "Những cuộc tranh cải của họ không phải về mục đích của cuộc chiến tranh mà là về khả năng thất bại" (Oberdoifer, D, 1988). Đoạn trích cho thấy người dân ngày càng không tin vào khả năng các giải pháp được tổng thống và các tướng lĩnh tại Washington hứa hẹn với họ. Thật sự lòng tin và sự chia rẽ trong xã hội Hoa Kỳ xoay quanh cuộc chiến tranh Việt Nam đã trở thành vấn đề nan giải cho chính quyền Tổng thống Johnson.

Cuối cùng, một trong những di sản của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" tính cho đến trước sự kiện "Tổng tiến công Tết Mậu Thân" năm 1968 diễn ra, chính là sự lên án và cô lập đến khó thở của cộng đồng thế giới tiến bộ đối với chính phủ Johnson. Trong khi tổ chức Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam không ngừng được chào đón và ủng hộ ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, thì đối với Hoa Kỳ việc lên án và cô lập lại có chiều hướng gia tăng. Tiêu biểu của việc lên án cường quốc này chính là sự kiện tòa án Bertrand Russell[(3)] xét xử tội ác chiến tranh của Hoa Kỳ ở Việt Nam vào giữa năm 1967 và tội ác của chính phủ đã được phanh phui trong hai phiên tòa tổ chức sau đó. Điều đó có thể xem như là một bằng chứng về sự cô lập Mỹ của các lực lượng tiến bộ. Ngoài ra còn có các sự kiện như: Hội nghị Quốc tế lên án chiến tranh hóa học của Hoa Kỳ diễn ra ở Pháp và Bắc Âu (1970); các công tác tăng cường giao lưu hoạt động đối ngoài giữa Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam với nhân dân tiến bộ thế giới, đặc biệt là nhân dân Hoa Kỳ, tất cả đều đi đến việc lên án tội ác của chính quyền Johnson trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

2.2. Sự kiện "Tổng tiến công Tết Mậu Thân" năm 1968 tạo ra điều gì cho chính quyền Johnson?

Trên cơ sở đánh giá và rút kinh nghiệm chiến thắng trong hai cuộc phản công mùa khô từ 1965 đến 1967, trước quân viễn chinh Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa, cũng như những thắng lợi khác trên mặt trận chính trị và ngoại giao, tại Hội nghị Bộ Chính trị (12/1967) và Hội nghị toàn thể Ban chấp hành lần thứ 14 (01/1968), thì Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã đi đến quyết định lịch sử: "chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định" và chỉ rõ trong đó: Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định.

Toàn quân và dân miền Nam đã tiến hành nhịp nhàng công tác chuẩn bị cho cuộc "Tổng tiến công Tết Mậu Thân". Đến 20/1/1968, quân giải phóng đánh đòn nghi binh ở Khe Sanh nhằm thu hút lực lượng quân viễn chinh Hoa Kỳ. Sau đòn nghi binh tại Khe Sanh, thì vào đêm giao thừa Tết Mậu Thân (31/1/1968)[(4)], quân và dân miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở hầu hết các thành phố, thị xã, thị trấn và vùng nông thôn do chính quyền Việt Nam Cộng hòa kiểm soát. Toàn bộ cuộc "Tổng tiến công Tết Mậu Thân" được diễn ra trong vòng 3 đợt[(5)] và thu được những thắng lợi quan trọng.

Về phía Hoa Kỳ, do bị ảnh hưởng của tình hình nội bộ đất nước có sự chia rẽ sâu sắc giữa các quan chức cấp cao chính quyền Johnson, đã làm cho công cuộc chuẩn bị đối phó với một đòn tiến công mới của lực lượng quân Giải phóng trở nên khó khăn hơn bao giờ hết.

Thứ nhất, các tướng lĩnh và quan chức Hoa Kỳ phải "loay hoay" trong việc đối phó với sự kiện "Tổng tiến công Tết Mậu Thân" năm 1968. Vì trong thực tế một cuộc "Tổng tiến công" chiến lược vào một vùng chiến đấu không phải sở trường của lực lượng quân đội cách mạng vốn rất khó khăn và nguy hiểm. Do đó, lực lượng quân Giải phóng miền Nam phải nghĩ đến việc tranh thủ cho bằng được những yếu tố "bất ngờ" trong cuộc chiến đó. Nhưng ý kiến của tác giả H.Y.Schandler lại cho rằng kế hoạch của quân Việt cộng và Bắc Việt Nam đã bị lộ cụ thể là: "sẽ có một cuộc tổng phản công và tổng nổi dậy, nhằm dụ các đơn vị đồng minh ra các vùng biên giới để cho cộng sản chi phối quân lực và chính quyền của nước này đồng thời buộc Hoa Kỳ phải rút quân khỏi Nam Việt Nam trong thời gian ngắn. Quả thật chỉ thị tấn công ban hành cho lực lượng cộng sản đã lọt vào tay quân đội Hoa Kỳ ngày 19/11/1967" (Schandler, H.Y,1999). Hay như chính tướng Westmoreland (Tổng chỉ huy quân đội Mỹ tại miền Nam) cũng viết rằng: "người phụ tá của tôi ở Sài Gòn tướng Abrams đã điện cho tôi biết nội dung một tài liệu địch bắt được ở gần Dak To kêu gọi có "một nổ lực tấn công tập trung phối hợp với các đơn vị khác ở các chiến trường khắp Nam Việt Nam" (Westmoreland, W.C, 1988). Còn theo Gabriel Kolko trong cuốn sách của mình, tác giả đã nhấn mạnh rằng: "Đầu tháng Mười hai, tất cả mọi người của Oa-sinh-tơn chính thức, hoàn toàn biết về một "cuộc tiến công tổng lực" sắp xảy ra" (Kolko, G, 2003). Thế nhưng vì họ chưa hiểu về "đối thủ" của mình, nên đã có những cách đối phó không hiệu quả và dẫn đến việc bị động trong cuộc chiến.

Tuy nhiên có thể thấy rằng cuộc "Tổng

tiến công Tết Mâu Thân" diễn ra trong đầu năm 1968 tại miền Nam Việt Nam không hẳn đã bị lộ kế hoạch. Có thể các tác giả từ giới quân nhân đến các nhà nghiên cứu đã suy luận từ các tài liệu có tính chất bào chữa cho những thất tại trực tiệp khi để quân Giải phóng miền Nam hoạt động tại đô thị Sài Gòn và nhiều đô thị khác ở miền Nam Việt Nam. Tiêu biểu như chính ghi chép của tác giả H.Y.Schandler đã cho rằng quân cách mạng sẽ nổi dậy "nhằm dụ các đơn vị đồng minh ra các vùng biên giới" rõ ràng không trùng khớp với những quyết định mở cuộc tổng tiến công của ta. Đồng thời các ý kiến đã cố gắng thuyết phục rằng tướng lĩnh Hoa Kỳ không hoàn toàn không hay viết về sự kiện Mậu Thân trước, vậy thì họ đã đối phó như thế nào?

Theo tướng Westmoreland cho biết: "tôi không có ý định cứ ngồi chờ hành động của địch. Tốt hơn hết là đi vào chiến đấu" (Westmoreland,W. C, 1988). Nên vì thế mà vị tướng này cũng sẵn sàng lao vào chiếc bẫy nghi binh mà quân giải phóng miền Nam bày ra để lôi kéo sự chú ý của giới chức quân sự Hoa Kỳ (6). Còn Gabriel Kolko thì ghi nhận rằng: "Oét-mo-len khao khát cuộc chiến đấu cổ điển và bất chấp sự suy xét tốt hơn của nhiều sĩ quan Mỹ" và tác giả còn viết: "Oét-mo-len đã rơi vào một chiếc bẫy rõ rệt" (Kolko, G, 2003). Nhận xét cuối cùng của tác giả người Nhật nghe có vẻ rất mỉa mai viên tướng nổi tiếng của Hoa Kỳ.

Thật trớ trêu cho các lực lượng chiến đấu của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam, một sự kiện có vẻ được biết trước, nhưng phán đoán sai hướng tiến công chính của đối phương nhằm vào đô thị nhưng lại không ai đưa ra những quyết định đối phó có giá trị về việc này. Tướng Westmoreland thì chủ quan nhận định rằng: "Trước sức mạnh của Mỹ và Nam Việt Nam, nếu Việt cộng và Bắc Việt Nam từ những nơi ẩn náu xuất hiện khắp cả nước thì chỉ chốt lấy tổn thất bi thảm và thất bại chắc chắn" (Westmoreland, W. C, 1988). Hay ngay cả việc một bản kế hoạch về một cuộc Tổng tiến công sẽ diễn ra của Việt cộng được công bố trên các phương tiện truyền thông thì: "báo chí của Hoa Kỳ đã dè dặt lưu ý rằng đừng nên xem đấy là bằng chứng quả thực đã có chỉ thị ấy và có thể đây chính là một văn kiện tuyên truyền nội bộ nhằm kích động các bộ đội chiến đấu" (Schandler, H.Y, 1999).

Đến đây, chúng ta đã hiểu vì sau yếu tố "bất ngờ" trong cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân vào năm 1968 của quân và dân miền Nam phát huy được tác dụng tích cực trong đợt I. Bởi vì các tướng lĩnh cấp cao từ phía Hoa Kỳ gần như không có tiếng nói chung và vẫn luôn giữ văn hóa đề cao ý kiến cá nhân mà thiếu hẳn một đường lối rõ ràng. Quân đội Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam dường như chỉ có một sự thống nhất cao độ là họ mạnh về cả quân sự và kinh tế, nên luôn hy vọng những thứ đó sẽ mang lại bước ngoặt trên chiến trường.

Thứ hai, quân đội Hoa Kỳ dù có tinh nhuệ, nhưng vẫn buộc phải "phối hợp" với quân đội Việt Nam Cộng hòa trong một cuộc chiến đầy mâu thuẫn. Đây là một vấn đề được rất nhiều sử gia cũng như giới chuyên gia quân sự đồng ý. Vì thực tế trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" thì quân đội Việt Nam Cộng hòa là một lực lượng giữ vai trò không kém phần quan trọng trong việc thực hiện chính sách "bình định" và "kiềm kẹp" quần chúng nhân dân tại Nam Việt Nam. Các binh lính Hoa Kỳ dù có được huấn luyện kỹ càng như thế nào đi nữa, thì vẫn bị chính sự xa lạ về không gian, địa hình, khí hậu, con người tại miền

Nam Việt Nam làm cho hạn chế khả năng tác chiến. Tác giả Gabriel Kolko phân tích rằng: "Học thuyết chiến tranh hạn chế của Mỹ vào năm 1967 bị núi rừng bao la của Việt Nam chặn đứng lại và tại đây chủ lực của Cách mạng kéo số lượng lớn lính Mỹ vào trò chơi đuổi bắt" (Kolko, G, 2003). Chiến trường Việt Nam đúng là một "địa ngục" với những người quân nhân trẻ từ Hoa Kỳ hay Australia, New Zealand sang chiến đấu, có lẽ với đất nước Việt Nam họ chỉ có thể thấy được "bầu trời" là quen thuộc!

Còn về lực lượng quân đội Việt Nam Cộng hòa, thì điểm yếu nhất của họ là khó thể tách ra tác chiến độc lập và chủ động trên chiến trường mà mình có lợi thế nhất. Vấn đề này có nhiều nguyên nhân, nhưng có lẽ nguyên nhân cốt yếu nhất vẫn là do sự yếu kém của hệ thống các tướng lĩnh chỉ đạo. Tác giả Gabriel Kolko đã nhận định rằng: "Việt Nam cộng hòa không thể trở thành một cơ cấu thay thế được cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng và vai trò lãnh đạo của họ phản ánh cuộc khủng hoảng xã hội Việt Nam trong thế kỷ này và cho thấy không có một cơ sở vững chắc cho giai cấp thống trị địa phương" (Kolko, G, 2003). Tệ hơn thế nữa, quân đội Việt Nam Cộng hòa được cho là "một bộ máy chính trị dựa vào sự tham nhũng được thể chế hóa ở cấp cao, và bị đói ăn, mất tinh thần ở dưới dáy" (Kolko, G, 2003). Rõ ràng một sự mâu thẫu to lớn vốn ràng buộc vào số phận của chính quyền Việt Nam Cộng hòa từ những ngày đầu khi "chọn lấy vĩ tuyến 17 làm đường biên giới quốc gia" cho đến khi đêm trước của cuộc Tổng tiến công nổ ra, Sài Gòn luôn trong khủng hoảng về chính trị. Chính Westmoreland đã viết về hàng tướng lĩnh của Việt Nam Cộng hòa rằng: "những người không muốn liều mạng hoặc hành động một cách quyết định" (Westmoreland, W. C, 1988) và hình như vị tướng Hoa Kỳ này khá chua chát trước hành động cá nhân của một viên tướng khi: "cuộc tấn công mà người ta chờ đợi từ lâu vào Pleiku đã diễn ra khiến tướng Vĩnh Lộc vội vã từ Sài Gòn trở về, hình như lo cho biệt thư của ông hơn là cho trận đánh" (Westmoreland, W. C, 1988). Tất cả những yếu tố nội bật vừa nêu, đã nói lên được sự thất bại của quân đội viễn chính Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa chỉ là một vấn đề thời gian. Vì sự "kết hợp" tưởng chừng như "hoàn hảo" của giới quan chức chóp bu trong chính quyền Johnson đã thật sự thiếu quá nhiều nhân tố tạo nên sự vững chắc mang đến một chiến thắng chung cuộc cho hai đồng minh này!

Thứ ba, chính phủ Johnson đã bị chính nền truyền thông phát triển của đất nước "tố cáo" trước quần chúng nhân dân Hoa Kỳ. Như đã trình bày ở trên, người dân của Tổng thống Johnson đã từ từ nghiêng hẳn về phe chống lại chiến tranh Việt Nam, bởi họ đã dần dần nhận ra rằng cuộc chiến này vốn không thể chiến thắng. Nhà báo Don Oberdoifer trong cuốn "Tết" đã cho thấy diễn biến của người dân Hoa Kỳ ngày càng diễn biến phức tạp khi cuộc Tổng tiến công diễn ra vào đúng tết cổ truyền Việt Nam. Vốn là một trong những nhà báo đã có mặt tại miền Nam Việt Nam đúng vào lúc sự kiện "Tết" diễn ra, nên ông đã hiểu sự thật của cái gọi là "khả năng cơ động" mà quân viễn chinh đất nước mình đã tự hào. Ông ghi chép rằng: "Tại Mỹ, sự bất ngờ và cơn giận dữ trong những ngày đầu sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân đã nhường bước cho sự thất vọng và tiếp đó trở thành cảm giác chán chường" (Oberdoifer, D, 1988). Ngoài nhà báo Oberdoifer, thì trên chiến trường miền Nam Việt Nam khi cuộc tiến

công của Việt cộng xảy ra còn có khá nhiều các nhân viên báo đài khác cùng đồng loạt săn tin và đưa tin về tình hình chiến sự.

Điều đó thật sự trở thành "thảm họa" đối với chính quyền Johnson và các tướng lĩnh của ông khi có quá nhiều chương trình truyền hình đề cập đến cuộc tiến công, H.Y.Schandler nhận định điều đó đã làm cho: "các gia đình người Mỹ thấy ngay quan cảnh máu lửa chết chóc và tàn phá của chiến trường và đã là nhân tố chính yếu làm cho dân chúng hình dung được những gì đã thực sự xảy ra tại chiến trường" (Schandler, H.Y, 1999). Giới truyền thông Hoa Kỳ còn miêu tả chi tiết: "Cảnh tấn công vào tòa đại sứ Hoa Kỳ và cảnh tướng Loan, Tổng giám đốc cảnh sát quốc gia Việt Nam công khai xử tử một phần tử khủng bố Việt cộng, đặc biệt đã làm cho người ta phải hoang mang" (Schandler, H.Y, 1999). Ta có thể thấy được truyền thông Hoa Kỳ vốn là một lợi thế để chính quyền tuyên truyền và quảng bá văn hóa sống "tự do" của đất nước họ, thì lần này, yếu tố ấy lại quay sang "tự do" phơi bày những gì chính quyền họ muốn che giấu.

Ngoài ra chúng ta cũng dễ dàng nhận ra sự mâu thuẫn giữa giới truyền thông và các tướng lĩnh cấp cao Hoa Kỳ. Tiêu biểu là nhận định đến từ tướng Westmoreland khi cho rằng: "Thái độ của các nhà báo Mỹ chắc chắn đã góp phần vào thắng lợi tâm lý mà địch đã giành được ở Mỹ" (Westmoreland,W. C, 1988). Rồi ông ta quay ra đổ thừa cho giới truyền thông, khi cho rằng: "Liệu người ta còn nghe tôi nữa không khi họ nói rằng các bức tường đều đổ trong khi tôi biết rằng tường không đổ? Rằng địch đang thắng khi tôi biết rằng địch đang trên bờ vực của một thất bại quân sự thảm hại?" (Westmoreland, W. C, 1988). Ông ta phê phán giới báo chí Hoa Kỳ khi đó chỉ nhằm phục vụ cho thị hiếu quan tâm của người đọc trong nước, họ đã không kiểm chứng các bản tin mà lao vào cuộc đua xem ai "đưa tin nhanh hơn", và ông lập luận: "Thử hỏi những lối đoán mò đó có đúng không? Có phải nỗ lực lâu dài và tốn kém của Mỹ ở Việt Nam có bị hy sinh đi vì những bọn tôn sùng cái giật gân và sự cạnh tranh không ?" (Westmoreland, W. C, 1988). Tất cả phản ánh một sự đổ lỗi khôi hài của một viên tướng cấp cao trước sự tấn công của dự luận Hoa Kỳ về những sai lầm của chính phủ họ khi triển khai chính sách can thiệp vũ trang tại Nam Việt Nam.

Còn tác động về xã hội của cuộc tiến công thì thật là to lớn, vì từ sau đó, liên tục có sự đảo hướng trong tư tưởng của người dân Hoa Kỳ, cũng như hàng quan chức cao cấp tại Quốc hội và Nhà trắng. Theo ghi nhận của Don Oberdoifer cho biết chỉ trong vài tháng phái diều hâu trong nước đã dần rơi xuống dưới mức thấp hơn các giai đoạn trước đó và ngược lại: "số người Mỹ đòi giảm bớt cam kết của Mỹ ở Việt Nam đã tăng lên. Từ trước đến nay, đây là lần đầu tiên mà phái diều hâu trong quần chúng ít hơn phái bồ câu" (Oberdoifer, D, 1988). Từ đó, ta cũng thấy được sức mạnh của một nền báo chí truyền hình thuộc loại hiện đại nhất thế giới lúc bấy giờ, đã giúp đưa những hình ảnh, thông tin thật của cuộc tổng tiến công đến mọi nơi trên thế giới. Đặc biệt, ngay chính tại thủ đô Washington đã nổ ra một cuộc chiến mạnh mẽ hơn bao giờ hết liên quan đến việc người dân đòi chính quyền Johnson phải "rút quân" để tránh bị thương vong cho chồng và con em nhân dân đất nước họ.

3. Sự kiện "Tổng tiến công Tết Mậu Thân" năm 1968 cho ta thấy được gì về nhân dân Việt Nam?

Thứ nhất, sự độc lập và thống nhất lãnh thổ là mục tiêu hàng đầu để mọi người dân Việt Nam đứng lên chống lại kẻ thù. Biểu hiện cụ thể nhất cho vấn đề độc lập và thống nhất lãnh thổ là mọi người dân Việt Nam đều có một lòng yêu nước mãnh liệt. Lòng yêu nước đó đã trở thành tinh thần dân tộc Việt, nó xuyên suốt trong chiều dài lịch sử. GS Trần Văn Giàu nhận định lòng yêu nước còn là một tiêu chuẩn cho sự xác định tốt xấu, đúng sai, chính nghĩa hay phi nghĩa, nên hư… mà cái tinh thần ấy không phải mới sinh ra con người Việt Nam đã có. Nó phải được hun đúc trong mấy nghìn năm văn hiến mới có được. Bởi vì trong quá trình dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt cổ định cư trên một khu vực vừa phì nhiêu trù phú, lại án ngữ trên con đường giao thông phương Bắc với phương Nam nên sớm là đối tượng để các thế lực phương Bắc xâm lược. Kẻ thù ấy lại thường mạnh hơn lực lượng giữ nước rất nhiều lần như: đế chế Tần từng gồm thu lục quốc; hay các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh… đến thời cận hiện đại thì Pháp, Nhật, Mỹ cũng đều tham gia chiếm giữ cái "nút thắt" này ở Đông Dương. Điều đó đã khiến cho cư dân Việt từ rất sớm phải đứng lên lại để chống giặc ngoại xâm theo cái lý:

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt chỉ vì khử bạo"
(Hàm, D.Q, 1968)

Trong cuộc sống đời thường của người dân Việt Nam, họ thường nói với nhau câu "Nước mất nhà tan", để cho thấy sự gắn kết hữu cơ giữa lợi ích đất nước (độc lập dân tộc) với lợi ích gia đình (tự do cá nhân). Mọi sự hiềm khích vì lợi ích cá nhân dường như bị xóa mờ, trước nhiệm vụ chung là đuổi giặc. Vì nếu để cho dân tộc bị mất độc lập thì cái lợi ích của mỗi cộng đồng dân cư, mỗi gia đình, mỗi cá nhân cũng không còn. Hệ trọng hơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam là sự nghiệp "thống nhất đất nước", vì trong nhận thức của người Việt Đất nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, dù "Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi" (Minh, H.C, 1995). Sau hơn 50 năm nhìn lại một sự kiện lịch sử, chúng ta thật sự phải khâm phục những người con ưu tú của dân tộc đã sẵn sàn hy sinh tất cả cho độc lập dân tộc và thống nhất nước nhà.

Tổn thất sau sự kiện Tết Mậu Thân 1968 là to lớn[(7)] và để lại nhiều kinh nghiệm sâu sắc cho cách mạng miền Nam. Việc Quân giải phóng miền Nam Việt Nam tiếp tục mở thêm các đợt tiến công và nổi dậy khi yếu tốt bất ngờ không còn, địch đã tăng cường phòng thủ đô thị đã khiến cho quân ta cũng bị tiêu hao lớn. Song song đó, nhân lúc ta dồn sức đánh vào đô thị, bỏ ngỏ vùng nông thôn thì địch kịp thời lợi dụng điều kiện này để tung quân chiếm lại các vùng vừa bị mất trong dịp Tết Mậu Thân. Điều đó khiến cho thế trận ba vùng chiến lực của ta ngày càng bị suy giảm. Các đơn vị vũ trang của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam phải lùi sâu vào vùng rừng núi, rồi có lúc phải tiến sang bên kia biên giới Campuchia và Lào. Theo nhận định của một số chuyên gia: "giữa năm 1968 qua năm 1969 đến năm 1970, cách mạng miền Nam lâm vào thời kỳ đầy thử thách, khó khăn" (Hồ Khang, 2008). Nhưng phải thừa nhận không thể chối cãi, các chiến sĩ Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đã sẵn sàng hy sinh tất cả cho cuộc chiến, cho một lý tưởng cao đẹp vì dân tộc, mà tác giả Gabriel Kolko đã ghi nhận cụ thể rằng: "cuộc tổng tiến công và khởi nghĩa được mô tả là có tính chất quyết định làm cho so

sánh lực lượng chuyển biến có lợi cho thắng lợi cuối cùng của Cách mạng. Để làm cho Tết trở thành điểm ngoặt của chiến tranh và là điều kiện tiên quyết thiết yếu cho thắng lợi hoàn toàn cuối cùng" (Kolko, G, 2003).

Đối lập lại với những cốt cách kiến trung trong chiến đấu, sẵn sàng hy sinh để hoàn thành được nhiệm vụ trong cuộc tổng tiến công của các lực lượng Quân giải phóng miền Nam Việt Nam thể hiện. Lực lượng sĩ quan cấp cao của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã bộc lộ những hạn chế của mình trong quá trình đối phó với lực lượng cách mạng. Chính tướng Westmoreland đã ghi nhận rằng: "Một số cá nhân riêng lẻ đã không làm tròn nhiệm vụ, một chỉ huy nào đó đã tỏ ra kém cỏi…". Mặt khác ông ta cũng nhận ra: "những người khác thấy trong lúc lâm nguy họ cần ở nhà để bảo vệ gia đình. Lực lượng thực tế ở hầu hết các đồn bót của quân đội miền Nam Việt Nam chỉ có 50 phần trăm hoặc ít hơn" (Westmoreland, W. C, 1988). Vấn đề trên xuất hiện cũng dễ hiểu, vì những người lính Việt Nam Cộng hòa đang chiến đấu cho một chính quyền liên tục bị khủng hoảng về chính trị và đặc biệt là khó có thể tồn tại độc lập trước một loạt các phong trào đấu tranh chính trị, chống phá chính quyền ở các đô thị miền Nam Việt Nam. Chính Gabriel Kolko nhận định: "Nếu có nhiều người trong vùng đô thị vì lý do này hoặc lý do khác đã không đi với Mặt trận Dân tộc Giải phóng, thì họ cũng không ủng hộ Việt Nam Cộng hòa, vì Việt Nam Cộng hòa không tranh thủ được sự trung thành chính trị của nhân dân" (Kolko, G, 2003).

Thứ hai, người Việt Nam sẽ rất mạnh khi biết đoàn kết. Lịch sử dân tộc Việt Nam xuyên suốt trong mấy ngàn năm là một minh chứng hùng hồn về sức mạnh này. Cũng chính trong cái gốc "kẻ thù" xâm lược của dân tộc thường mạnh hơn rất nhiều lần, ông cha ta đã phải chọn con đường đoàn kết lại để đánh giặc. Từ rất sớm, trước sự xâm lược của nhà Tần hai tộc người Lạc Việt và Tây Âu phải cùng nhau liên kết lại chống giặc; khi quân Mông – Nguyên ba lần sang đánh Đại Việt thì cả ba lần triều Trần "vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước góp sức" (Ngô Sĩ Liên, 1998). Nhờ đó mà toàn dân kết nối từ miền xuôi đến miền ngược, từ người già đến người trẻ cùng đoàn kết "sát thát" kẻ thù chung. Đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thì chủ trương của Đảng ta là "Toàn dân, toàn diện" đó là một sự kế thừa phát huy tinh thần yêu nước của toàn dân tộc trong nghệ thuật chiến tranh nhân dân cực kỳ hiệu quả. Rồi đến khi Hoa Kỳ đưa quân vào miền Nam Việt Nam cũng mắc vào chính cái thế của một đội quân đi xâm lược một dân tộc khác thì không thể nào có được cái tính "chính nghĩa" bắt nguồn từ "lòng dân".

Các tướng lĩnh cấp cao của Mỹ luôn chủ quan và cho rằng có thể đánh dẹp được lực lượng quân cách mạng khi: "hoạt động quân sự tiến công và trường kỳ sẽ giúp cho Hoa Kỳ nắm được thế chủ động tại cả Bắc lẫn Nam Việt Nam. Khả năng yểm trợ chiến tranh của Bắc Việt Nam sẽ dần dần bị tiêu diệt và Việt Cộng sẽ bị đánh bại" (Schandler, H.Y, 1999). Hay chính tướng Westmoreland đã nhận định trước khi cuộc tiến công diễn ra rằng: Tôi tin rằng dù địch có mưu toan gì, các lực lượng của Mỹ và Nam Việt Nam cuối cùng có thể đánh bại được" (Westmoreland, W. C, 1988). Thế nhưng có lẽ một lần nữa kể từ khi người Pháp bị đánh bại tại Điện Biên Phủ, thì các tướng lĩnh và quan chức cấp cao của Hoa

lớn của Hoa Kỳ với ưu thế về quân đội tinh nhuệ; vũ khí hiện đại; sự kết hợp chặt chẽ cả bộ binh, hỏa lực và không quân vốn có nhiều ưu thế, đã không thể phát huy được trong cuộc chiến tranh xâm lược tại Việt Nam. Ngược lại từng đợt từng đợt sóng tiến công của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đã thực sự gây cho lực lượng quân Hoa Kỳ và đồng minh của họ nhiều tổn thất to lớn, mà sự kiện Tổng tiến công Tết Mậu Thân là một minh chứng. Di sản một nước Hoa Kỳ ngày càng chia rẽ sau sự kiện Mậu Thân là một kết quả ngoài sức tưởng tượng của giới cầm quyền tại Washington.

Thứ ba, nội dung được phân tích trong mục 2.3 của bài viết, tác giả nhận thấy cần tiếp tục nghiên cứu các sự kiện quân sự mang tính móc son trong suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam từ góc độ văn hóa để có thể tiếp tục định vị rõ hơn một số nhân tố mang tính "cốt cách con người Việt Nam" để tiếp tục đề xuất các giải pháp phát huy các yếu tố trên trong giai đoạn xây dựng và phát triển Tổ quốc hiện nay.

Chú thích

(1) Kế hoạch có 3 giai đoạn: 1. Phá hoại kế hoạch mùa mưa của ta, ngăn chặn chiều hướng thua bằng việc bảo đảm triển khai nhanh lực lượng quân viễn chinh Mỹ; 2. Mở các cuộc phản công chiến lược tìm diệt chủ lực ta và kiểm soát vùng nông thôn; 3. Hoàn thành việc tiêu diệt khối chủ lực của ta và tiếp tục bình định miền Nam, trước khi rút quân về nước vào cuối năm 1967.

(2) Vốn khác hẳn kế hoạch chiến tranh do các vị tư lệnh quân sự, Mc. Namara đề ra: 1) Loại trừ trường hợp chiến tranh đột biến,...thôi đừng vượt quá tổng số quân 470.000 quân ; 2) Nên lập một hàng rào chống xâm lược ngang vùng eo biển Nam Việt Nam gần vĩ độ 17 và chặn ngang các đường mòn xâm nhập ở Lào; 3) Giữ nguyên chương trình Sấm Rền đánh miền Bắc ở mức độ hiện tại; 4) Xúc tiến các chương trình bình định tích cực; 5) gia tăng các triển vọng đàm phán chấm dứt chiến tranh.

(3) Từ Ủy ban Điều tra tội ác của chính phủ Hoa Kỳ ở Việt Nam được thành lập 22/7/1966, đã kết hợp tác chặt chẽ với 4 đoàn nghiên cứu của tòa án Bertrand Russell thu thập tư liệu, bằng chứng sử dụng các loại vũ khí hóa học, chất cháy của Mỹ để tố cáo những tội ác này trước công luận thế giới.

(4) Về vấn đề: Giờ nổ súng quy định chung trên toàn miền Nam là 2 giờ đêm giao thừa, nhưng theo lịch miền Bắc, Tết Mậu Thân đến sớm hơn một ngày so với lịch miền Nam. Do vậy, có sự sai lệch trong việc chấp hành ngày N, giờ G theo quy định.

- Lịch miền Bắc, đêm giao thừa tức đêm 29 rạng sáng ngày 30/1/1968, nên các tỉnh Quy Nhơn, Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Nha Trang, Đà Nẵng tiến hành chiến dịch Mậu Thân theo kế hoạch.

- Theo lịch miền Nam, đêm giao thừa chính là đêm 30 rạng sáng 31/1/1968, do vật các tỉnh Huế, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Quảng Tín, Bình Thuận, Sài Gòn – Gia Định – Chợ Lớn, Cần Thơ, Vĩnh Long và một số tỉnh miền Trung nổ súng chậm hơn một ngày so với các tỉnh miền Bắc.

(5) Ba đợt diễn ra theo thứ tự: Đợt I từ 30/1/1968 đến 25/2/1968; Đợt II trong tháng 5 và tháng 6; Đợt III trong tháng 8 và tháng 9.

(6) Cuối năm 1967, Tổng thống Johnson và gần như cả nước Hoa Kỳ chú ý về Khe Sanh nơi, mà theo nhiều người cho rằng đó là một trận Điện Biên Phủ ở miền Nam Việt Nam. Theo một số tài liệu thì trận Khe Sanh thật sự đã thu hút và kìm chân được 4.500 binh sĩ tinh nhuệ của đất nước Hoa Kỳ.

(7) Theo tướng Westmoreland: Trong các cuộc tấn công trước thời hạn, các cuộc tấn công chính hoặc các cuộc tấn công thêm sang ngày thứ ba, có khoảng 84.000 quân địch, chủ yếu là Việt cộng có kết hợp với quân thay thế của Bắc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995). *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ. cứu nước - thắng lợi và bài học*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Dương Quảng Hàm (1968). *Việt Nam Văn học sử yếu*. Sài Gòn: NXB Trung tâm học liệu xuất bản.

Hồ Chí Minh (1995). *Hồ Chí Minh toàn tập: tập 4*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Hồ Khang (2008). *Tết Mậu Thân 1968: Bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Gabriel Kolko (2003). *Giải phẫu một cuộc chiến tranh: Việt Nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại*. người dịch Nguyễn Tấn Cưu. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.

Ngô Sỹ Liên (1998). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.

Robert S.McNamara (1995). *Nhìn lại quá khứ tấm thảm kịch và những bài học về Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Nhiều tác giả (1978). *Truyện và ký về Củ Chi*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Don Oberdoifer (1988). *Tết.* dịch Hà Nguyễn. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp An Giang.

H.Y. Schandler (1999). *Sự nghiệp của một tổng thống bị đổ vỡ Johnson và Việt Nam*. người dịch Nguyễn Mạnh Hà. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

William. C. Westmoreland (1988). *Tường trình của một quân nhân*. bản dịch của của Phòng khoa học Quân khu 9. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.

Ngày nhận bài: 27/02/2024 Ngày chấp nhận đăng: 18/4/2024